**Mẫu số 1.3 -A/TDBL**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| http://bidvportal.vn/Accounting/GetImages.aspx?File_ID=2262022_92229177_BIDV.png | | | | | **GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**  *(áp dụng đối với khách hàng vay sản xuất kinh doanh, đầu tư)* | | | | | | | | | | | | | | **Phần dành cho Ngân hàng** | | | | | | |
| **Mã số khách hàng (CIF):** | | | | | | |
| **Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh... (Ngân hàng)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **I. Thông tin Khách hàng vay vốn** (trường hợp Khách hàng là 01 cá nhân) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Họ và tên: (Bên vay)** | | | | | | | | | | | | **Ngày sinh:** | | | | | | | | | **Giới tính:** ☐ Nam ☐ Nữ | | | | |
| **Số CMND/Hộ chiếu:** | | | | | | | | | | | | **Ngày cấp:** | | | | | | | | | **Nơi cấp:** | | | | |
| **Địa chỉ thường trú** (theo Hộ khẩu/KT3)**:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Địa chỉ cư trú hiện tại:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Điện thoại cố định:** | | | | | | | | | | **Điện thoại di động:** | | | | | | | | | | | **Email:** | | | | |
| **I. Thông tin Khách hàng vay vốn** (trường hợp Khách hàng là hộ kinh doanh[[1]](#footnote-1)) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Hộ kinh doanh:**  **Bao gồm: người. Cụ thể:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | **Họ và tên** | | | **Số CMND/Hộ chiếu - Ngày cấp, nơi cấp** | | | | | | | | | | **Địa chỉ liên lạc - Số điện thoại** | | | | | | | | | **Ghi chú** |
| 1 | | | Nguyễn Văn A | | | 12345678 do ….cấp ngày…. | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | Đại diện |
| 2 | | |  | | |  | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | Thành viên |
| ... | | |  | | |  | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | Thành viên |
| ***Thông tin về người đại diện hộ kinh doanh:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Họ và tên: (Bên vay)** | | | | | | | | | | | | | **Ngày sinh:** | | | | | | | | **Giới tính:** ☐ Nam ☐ Nữ | | | | |
| **Số CMND/Hộ chiếu:** | | | | | | | | | | | | | **Ngày cấp:** | | | | | | | | **Nơi cấp:** | | | | |
| **Địa chỉ thường trú** (theo Hộ khẩu/KT3)**:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Địa chỉ cư trú hiện tại:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Điện thoại cố định:** | | | | | | | | | | | **Điện thoại di động:** | | | | | | | | | | **Email:** | | | | |
| **II. Thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - Ngành nghề/lĩnh vực SXKD:  - Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu có) số: Ngày cấp: Nơi cấp:  - Giấy tờ pháp lý khác về hoạt động SXKD (nếu có):  - Mã số thuế (nếu có):  - Địa điểm SXKD hiện tại:  - Số lao động: người.  - Các đơn vị cung cấp nguồn đầu vào chủ yếu:  - Doanh thu bình quân năm gần nhất:  - Tỷ lệ lợi nhuận/Doanh thu bình quân: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **III. Phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư[[2]](#footnote-2)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lĩnh vực, mặt hàng SXKD/đầu tư: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Doanh thu dự kiến: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | ***Tổng chi phí của phương án****: VNĐ. Trong đó:*  - Chi phí mua hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào: VNĐ  - Chi phí thuê nhân công: VNĐ  - Chi phí thuê địa điểm kinh doanh: VNĐ  - Chi phí lãi vay: VNĐ  - Thuế phải nộp: VNĐ  - Chi phí khác: VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Số vốn tự có tham gia trong phương án: VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Nhu cầu vốn vay: VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Lợi nhuận: VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Thời gian thu hồi vốn: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Lợi nhuận bình quân/tháng: VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Số tiền trả nợ từ phương án SXKD/đầu tư: VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **IV. Nguồn trả nợ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | ***Tổng các nguồn thu nhập***: VNĐ***.*** *Trong đó:*  - Thu nhập từ hoạt động SXKD/Đầu tư: VNĐ  - Thu nhập khác (lương, tiền cho thuê nhà…): VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tổng chi phí sinh hoạt bình quân hàng tháng: VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng tích lũy sau khi đã trừ chi phí:** VNĐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **V. Thông tin về tài sản thuộc sở hữu của Bên vay** (có đầy đủ giấy tờ sở hữu hợp pháp, hợp lệ) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Mô tả tài sản** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Giá trị tài sản**  ( triệu VNĐ) | | | | | **Đang cầm cố/**  **thế chấp** | |
| Bất động sản | | | | 1. | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | ☐ | |
| 2. | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | ☐ | |
| Động sản | | | | 1. | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | ☐ | |
| 2. | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | ☐ | |
| Tiền gửi tại ngân hàng | | | | 1. | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | ☐ | |
| 2. | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | ☐ | |
| Tài sản khác | | | | 1. | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | ☐ | |
| 2. | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | ☐ | |
| **Tổng giá trị** | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **VI. Thông tin về giao dịch ngân hàng của Bên vay** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Hình thức vay** | | | | | **Hình thức bảo đảm** | | **Ngân hàng** | | | | | | **Số tiền vay**  **(hạn mức)**  (triệu VNĐ) | | **Ngày**  **đáo hạn** | | | **Dư nợ**  **hiện tại**  (triệu VNĐ) | | | **Khoản trả nợ hàng tháng**  (triệu VNĐ) | | |
| **Tín chấp** | **Bằng**  **tài sản** |
| 1 | |  | | | | | ☐ | ☐ |  | | | | | |  | |  | | |  | | |  | | |
| 2 | |  | | | | | ☐ | ☐ |  | | | | | |  | |  | | |  | | |  | | |
| 3 | |  | | | | | ☐ | ☐ |  | | | | | |  | |  | | |  | | |  | | |
| **...** | |  | | | | | ☐ | ☐ |  | | | | | |  | |  | | |  | | |  | | |
| **VII. Thông tin tham chiếu** *(Thông tin về 01 cá nhân biết rõ về Bên vay nhưng không cùng địa chỉ cư trú và có điện thoại cố định mà Ngân hàng có thể liên hệ khi cần)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Họ và tên:** | | | | | | | | | | | **Quan hệ với Bên vay:** | | | | | | | | | | | **Giới tính:**☐Nam ☐Nữ | | | |
| **Địa chỉ liên lạc:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Điện thoại liên hệ:** | | | | | | | |
| **VIII. Thông tin khoản vay đề nghị** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **- Hình thức vay vốn:** ☐**Theo món** ☐**Theo hạn mức tín dụng** ☐**Theo hạn mức thấu chi**  **- Số tiền vay/cấp hạn mức:** VND *(Bằng chữ: )*  **Trong đó** *(nếu KH sử dụng một trong các hình thức vay theo hạn mức):*  + **Hạn mức tín dụng:**  VND *(Bằng chữ: )*  *+* **Hạn mức thấu chi:** VND *(Bằng chữ: )*  **- Thời hạn vay/cấp hạn mức:** tháng. Kể từ ngày: đến ngày:  **- Lãi suất vay:**  ***-* Phí:** theo quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh…  **- Phương thức rút vốn:** ☐Tiền mặt ☐Chuyển khoản  **- Kế hoạch trả nợ:** + Kỳ trả nợ gốc: ☐Hàng tháng ☐Hàng quý ☐ Bán niên ☐1 lần vào cuối kỳ  + Kỳ trả lãi: ☐ Hàng tháng ☐Khác  **- Phương thức trả nợ:** ☐Tự động trừ tài khoản: + Số tài khoản: tại Chi nhánh:  + Tên chủ tài khoản:  ☐Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản.  - **Mục đích vay vốn:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **IX. Thông tin về TSBĐ cho khoản vay** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Chủ sở hữu:** ☐ Bên vay ☐ Bên vay và đồng chủ sở hữu khác ☐ Bên thứ ba | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Chi tiết mô tả tài sản: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Thông tin người đồng sở hữu** hoặc **Bên thứ ba** (nếu có):  Ngày tháng năm sinh:  Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:  Quan hệ với Bên vay:  Hộ khẩu thường trú:  Địa chỉ liên hệ:  Điện thoại liên hệ: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **X. Uỷ quyền của hộ kinh doanh (hộ gia đình/nhóm người)[[3]](#footnote-3)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Bằng văn bản này, các thành viên trong hộ kinh doanh thống nhất ủy quyền cho Người đại diện hộ kinh doanh (theo thông tin tại Mục I) được đại diện Hộ kinh doanh thực hiện các công việc sau đây:  * Ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản, giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn Hợp đồng tín dụng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân, Giấy nhận nợ và các văn bản tài liệu khác có liên quan trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng. * Ký kết và thực hiện bất kỳ tài liệu nào khác do Ngân hàng yêu cầu liên quan đến Hợp đồng tín dụng và văn bản khác. * Các công việc do người đại diện thực hiện không bao gồm các nội dung liên quan đến giao dịch bảo đảm tiền vay.  1. Thời hạn ủy quyền: Việc ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày các thành viên trong Hộ kinh doanh ký trên Giấy đề nghị này cho đến khi Hộ kinh doanh hoàn thành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, các chi phí phát sinh) đối với Ngân hàng. 2. Các thành viên trong hộ kinh doanh cam kết: (i) việc ủy quyền này là không hủy ngang; và (ii) không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào khi Người đại diện hộ kinh doanh thực hiện các công việc được ủy quyền. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **XI. Cam kết của Bên vay** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. 1(a). Tôi cam kết là cá nhân duy nhất trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh………………………(trường hợp khách hàng là 01 cá nhân).   1(b). Tôi cam kết thông tin về các thành viên của hộ kinh doanh….. (số lượng thành viên, tên gọi, thông tin nhân thân khác) được ghi nhận tại Giấy đề nghị này đã đầy đủ và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ……………. (trường hợp khách hàngcó từ 02 thành viên trở lên).  Đồng thời, những thông tin được cung cấp tại Giấy đề nghị này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin này cũng như đồng ý để Ngân hàng được lưu trữ và sử dụng các thông tin trên đây vào các mục đích mà Ngân hàng cho là phù hợp và cần thiết.   1. Bên vay cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích và chịu trách nhiệm pháp lý về việc sử dụng vốn vay phù hợp với quy định của BIDV và pháp luật. 2. Tôi cam kết dùng nguồn thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn thu nhập khác để ưu tiên thanh toán trước cho các khoản vay và lãi, phí phát sinh đến hạn cho Ngân hàng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **XII. Các tài liệu kèm theo:** theo danh mục hồ sơ đính kèm. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *......................, ngày tháng năm 20* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Các thành viên Hộ kinh doanh**  *(ký, ghi rõ họ tên)* | | | | | | | | | | | | | | **Bên vay**  *(ký, ghi rõ họ tên)* | | | | | | | | | | | |

**DANH MỤC HỒ SƠ**

(đính kèm Giấy đề nghị vay vốn)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại hồ sơ** | **Số, ngày** | **Tình trạng văn bản** | | | |
| **Bản gốc** | **Bản công chứng** | **Bản sao y** | **Bản photo** |
| **I** | **Hồ sơ nhân thân KH** | | | | | |
| 1 | Chứng minh nhân dân/hộ chiếu/  CM sĩ quan quân đội nhân dân VN |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 2 | Hộ khẩu thường trú |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
|  |  |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| **II** | **Hồ sơ vay vốn** | | | | | |
| 1 | Giấy đề nghị vay vốn |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 2 | Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay/bảo lãnh |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| … |  |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| **III** | **Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính** | | | | | |
| *1* | *Hồ sơ chứng minh thu nhập* |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Hợp đồng lao động |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1.2 | Quyết định tuyển dụng |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| ... | .................................. |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| *2* | *Hồ sơ về phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư* |  |  |  |  |  |
| 2.1 |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Hồ sơ bảo đảm tiền vay** | | | | | |
| 1 |  |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 2 |  |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| ... | .................................... |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| **V** | **Hồ sơ khác** | | | |  |  |
| 1 |  |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 2 |  |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| ... | ...................................... |  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

**PHẦN XÁC NHẬN TIẾP NHẬN HÒ SƠ CỦA NGÂN HÀNG**

- Thời điểm nhận hồ sơ: h phút, ngày / /20

- Địa điểm nhận hồ sơ:

- Bên nhận hồ sơ: Phòng Khách hàng cá nhân.

Đại diện: Ông/Bà - Chức vụ:

- Nội dung xác nhận: Bên nhận hồ sơ đã nhận đầy đủ các tài liệu theo danh mục hồ sơ trên đây và thực hiện đối chiếu bản sao y/ photo/công chứng với bản gốc của Khách hàng (đối với những giấy tờ không yêu cầu bản gốc).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BÊN NHẬN HỒ SƠ**  *(ký, ghi rõ họ tên)* |

1. *Hộ kinh doanh bao gồm: hộ gia đình hoặc nhóm có từ 02 thành viên trở lên* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Nội dung phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư có thể tách thành một phụ lục riêng, đính kèm Giấy đề nghị vay vốn.* [↑](#footnote-ref-2)
3. Áp dụng trong trường hợp Bên vay là hộ kinh doanh (là hộ gia đình/nhóm người). [↑](#footnote-ref-3)